

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2023.

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lương Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan;
- Bà Bò Thị Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Mạnh Hùng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã S, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản K, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Quàng Văn H, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Bản K, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 10, phân trại số 5, Trại giam Thanh Phong, xã Trường Giang, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/7/2023, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Vợ chồng tôi kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Sập Vạt, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H nghiện ma túy, hay cãi vã, đánh đập tôi. Đến nay anh H đã đi chấp hành án tù năm 2020. Tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Quảng Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung cháu Quảng Thị Lâm Thương V, sinh ngày 28/8/2009 và Quảng Lâm Anh T, sinh ngày 25/7/2020. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con và không yêu cầu anh Quảng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh H đang phải đi chấp hành án nên không có điều kiện để nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có. Chị T cam đoan vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 27/7/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/7/2023 bị đơn anh Quảng Văn H trình bày:

Anh Quảng Văn H xác nhận về thời gian và địa điểm kết hôn như chị Lò Thị T đã trình bày. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc, vợ chồng anh cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do anh vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án, bản thân anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo đơn ly hôn của chị Lò Thị T và theo quy định của pháp luật anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh Quảng Văn H, xác nhận vợ chồng có hai con chung cháu Quảng Thị Lâm Thương V, sinh ngày 28/8/2009 và Quảng Lâm Anh T, sinh ngày 25/7/2020. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh là được nuôi cháu Quảng Lâm Anh T, sinh ngày 25/7/2020 và chị Thanh nuôi cháu Quảng Thị Lâm Thương V, sinh ngày 28/8/2009 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Toà án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử đã tham gia đúng thành phần như quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2023. Hội đồng xét xử, xét xử đúng trình tự, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, do bị đơn đang chấp hành án tại Đội 10, phân trại số 5, Trại giam Thanh Phong, xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, không đến tham gia phiên tòa. Việc Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T, đề nghị xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Lâm Thương V, sinh ngày 28/8/2009. Cháu Quàng Lâm Anh T, sinh ngày 25/7/2020 cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chấp nhận ý kiến của chị Lò Thị T về việc không yêu cầu anh Quàng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản riêng: Không có

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn H là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định, có hộ khẩu thường trú tại: Bản K, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hiện anh chị có tranh chấp về ly hôn xét thấy vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì anh Quảng Văn H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 10, phân trại số 5, Trại giam Thanh Phong, xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên không hòa giải được và chị không có mong muốn hòa giải vợ chồng đoàn tụ, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự xét thấy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn anh Quảng Văn H hiện đang chấp hành án tại Đội 10, phân trại số 5, Trại giam Thanh Phong, xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên không thể có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa, phiên họp do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Quảng Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật, anh H đã đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Trước khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, để đảm bảo quyền được tiếp cận, công khai, kiểm tra chứng cứ Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã gửi công văn về việc đề nghị phân trại số 5, Trại giam Thanh Phong, xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tổng đạt, công khai các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho anh Hom, anh Hom đã được tiếp cận, kiểm tra các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không có ý kiến gì về các tài liệu đã được tiếp cận kiểm tra.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Quảng Văn H kết hôn với nhau vào ngày 05 tháng 5 năm 2009. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sặt Vạt, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Lò Thị T và anh Quảng Văn H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do hai bên vợ chồng không hòa hợp với nhau và anh H vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tù có thời hạn tại Trại giam Thanh Phong, xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần; anh, chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không bên nào chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Quảng Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 51, khoản 1

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Quảng Văn H.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu cháu Quảng Thị Lâm Thương V, sinh ngày 28/8/2009 và Quảng Lâm Anh T, sinh ngày 25/7/2020 chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu V và T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh H có nguyện vọng xin được nuôi con chung và để cho bố mẹ của mình (là ông bà nội cháu T) trực tiếp nuôi dưỡng cháu T trong quá trình anh đang phải đi chấp hành án.

Xét thấy: chị Lò Thị T là người trưởng thành có đủ năng lực hành vi dân sự, có nơi cư trú cụ thể, có công việc làm và thu nhập ổn định. Còn bản thân anh Quảng Văn H đang trong thời gian đi chấp hành án tại đội 10, phân trại số 5, Trại giam Thanh Phong, xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa với thời hạn 05 (năm) năm tù. Tại biên bản ghi ý kiến cháu V cũng có nguyện vọng xin ở chị T và cháu T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn do đó việc giao cháu V và cháu T cho chị T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu nên cần giao cháu V và cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đề nghị của chị Lò Thị T không yêu cầu anh Quảng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ cũng như ý kiến của chị T tại phiên tòa thì anh chị không có tài sản chung, sau khi kết hôn anh chị về sống chung với bố mẹ chồng cũng không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ chồng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản riêng và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Quảng Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Lâm Thượng V, sinh ngày 28/8/2009 và cháu Quàng Lâm Anh T, sinh ngày 25/7/2020 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Anh Quàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002697 quyển số 054 ngày 18 tháng 7 năm 2023.

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Lò Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Bị đơn anh Quàng Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND thành phố Sơn La;
- Chi cục thi hành án DS thành phố Sơn La;
- Các đương sự ;
- UBND xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn thư.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Lương Anh